TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-DS	*Hồng Bàng, ngày 30 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh NTH; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị DTH; địa chỉ: Khu 1, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh NVX; địa chỉ: Thôn F, xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 10/11/2019, bản tự khai và tại phiên họp, chị DTH trình bày:

Năm 2001, tôi (DTH) có quan hệ tình cảm với anh NTH, hai bên chung sống với nhau như vợ chồng trong khoảng 01 năm nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến khoảng tháng

6/2002, chị DTH và anh NTH chia tay; thời điểm này, chị DTH đã có thai cháu H. Ngày 21/9/2002, chị DTH sinh ra cháu H ở Trạm y tế xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng. Cháu H là con đẻ của chị DTH và anh NTH; tuy nhiên, do thời điểm cháu H được sinh ra, chị DTH và anh NTH không còn chung sống với nhau, trước đó hai bên cũng không đăng ký kết hôn nên chị DTH không làm được giấy khai sinh cho cháu H. Năm 2006, chị DTH kết hôn với anh NVX, hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định. Do thông cảm với hoàn cảnh của mẹ con chị DTH, để cháu H không bị thiệt thòi với bạn bè cùng trang lứa nên anh NVX đã nhận cháu H làm con; sau đó, khi chị DTH làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu H, anh NVX cũng đồng ý đứng tên người cha trong giấy khai sinh của cháu. Năm 2013, chị DTH và anh NVX ly hôn (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 173/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng). Đến nay, chị DTH và anh NTH đã trở về chung sống cùng nhau, hai bên cũng đã đăng ký kết hôn theo quy định; do đó, các bên cùng có nguyện vọng để anh NTH nhận lại con đẻ là cháu H. Trên cơ sở đó, chị DTH đề nghị Tòa án xác định anh NTH là cha đẻ của cháu H, để chị DTH tiến hành thủ tục sửa họ tên bố trong giấy khai sinh của cháu H từ anh NVX thành anh NTH.

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 10/11/2019, bản tự khai và tại phiên họp, anh NTH xác nhận ý kiến của chị DTH trình bày là đúng, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết, xác định anh NTH là cha đẻ của cháu H.

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 10/11/2019 và bản tự khai, anh NVX cũng xác nhận ý kiến của chị DTH và đề nghị Tòa án giải quyết, xác định anh NTH là cha đẻ của cháu H.

Ngoài ra, chị DTH, anh NTH và anh NVX không còn yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nhận định:

[1] Về yêu cầu xác định cha cho con: Năm 2001, chị DTH có quan hệ tình cảm với anh NTH, hai bên chung sống với nhau như vợ chồng trong khoảng 01 năm nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến khoảng tháng 6/2002, chị DTH và anh NTH chia tay; thời điểm này, chị DTH đã có thai cháu H. Ngày 21/9/2002, chị DTH sinh ra cháu H ở Trạm y tế xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng. Chị DTH và anh NTH đều xác định cháu H là con đẻ của anh chị; tuy nhiên, do thời điểm cháu H được sinh ra, chị DTH và anh NTH không còn chung sống với nhau, trước đó hai bên cũng không đăng ký kết hôn nên chị DTH không làm được giấy khai sinh cho cháu H.

Năm 2006, chị DTH kết hôn với anh NVX, hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định. Do thông cảm với hoàn cảnh của mẹ con chị, để cháu H không bị thiệt thòi với bạn bè cùng trang lứa nên anh NVX đã nhận cháu H làm con. Sau đó, chị DTH đã làm thủ tục khai sinh cho cháu H tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng, lấy tên người cha là NVX (theo Trích lục khai sinh số 72/TLKS-BS ngày 25/8/2019 của Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng).

Tại thời điểm các bên cùng nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định anh NTH là cha đẻ của cháu H, các bên đã nộp kèm 01 bản Kết quả xét nghiệm ADN của Công ty TNHH I và 01 bản Kết luận giám định số 118/2019/GĐSH ngày 20/11/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Theo kết quả phân tích ADN của Công ty TNHH I đã xác định: *"Người có mẫu ghi tên NTH có quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên H, với độ tin cậy 99,999999%"*. Tại Kết luận giám định số 118/2019/GĐSH ngày 20/11/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng cũng xác định: *"Anh NTH và cháu H được lấy mẫu giám định nói trên có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con (Độ tin cậy PI>99,99%)"*. Như vậy, có căn cứ xác định anh NTH là cha đẻ của cháu H do chị DTH sinh ra ngày 21/9/2002 tại Trạm y tế xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng (cháu H đã được Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng cấp Giấy khai sinh số 72, ngày 30/9/2002). Vì vậy, việc chị DTH, anh NTH và anh NVX cùng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xác định anh NTH là cha đẻ của cháu H là có căn cứ, phù hợp Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình và các điều 29, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị DTH, anh NTH và anh NVX phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 29, 35, 39, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị DTH, anh NTH và anh NVX.

Xác định: Anh NTH, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của cháu H (cháu H đã được Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng cấp Giấy khai sinh số 72, ngày 30/9/2002).

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị DTH, anh NTH và anh NVX phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; chị DTH, anh NTH và anh NVX đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009756 ngày 16/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Các bên đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Hữu Chung